TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 490/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/5/2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mộng Nghi

2. Ông Nguyễn Văn Hồi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Như – Thư ký tòa án

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quang Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1204/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng N (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Trọng N tự nguyên chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 24/09/2002 tại UBND xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2009, giữa vợ chồng bà T, ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N thường xuyên cờ bạc gây ra nợ nần và để cho bà T phải gánh vác trả nợ. Bà T đã khuyên can và tha thứ cho ông N rất nhiều lần nhưng ông N không sửa đổi. Từ đó vợ chồng hay tranh cãi và không còn tìm được tiếng nói chung. Nay bà T nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và mỗi người đều có cuộc sống riêng, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trọng N.

Về con chung: Bà T và ông N có 03 con chung gồm Nguyễn Nhân T (sinh ngày 28/10/2006), Nguyễn Tiến P (sinh ngày 31/7/2010), Nguyễn Thị Xuân L (sinh ngày 11/8/2014). Tại phiên tòa, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung, bà T yêu cầu

ông N cấp dưỡng nuôi mỗi con là 3.000.000đồng/tháng, thi hành khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con lần lượt trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông N hiện làm nghề sửa xe (bơm xe, vá xe) tự do, không có cửa tiệm, thu nhập khoảng 15.000.000đồng/tháng. Bà T làm nghề giặt ủi tại nhà, thu nhập khoảng 7.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Trọng N trình bày:

Ông N và bà Nguyễn Thị T tự nguyên chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 24/09/2002 tại UBND xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc, nhưng từ năm 2017 giữa vợ chồng ông N phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông N có chơi cờ bạc và gây ra nợ nần. Sau nhiều lần vợ chồng tự hòa giải và được Tòa án hòa giải nhưng không thành thì ông N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn có thể hàn gắn được nữa. Tuy nhiên, ông N chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện bà T phải giao Giấy chứng nhận căn nhà địa chỉ Ấp A, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cho một người thứ ba giữ. Ông N không xác định cụ thể người thứ ba là người nào.

Về con chung: Ông N và bà T có 03 con chung gồm Nguyễn Nhân T (sinh ngày 28/10/2006), Nguyễn Tiến P (sinh ngày 31/7/2010), Nguyễn Thị Xuân L (sinh ngày 11/8/2014). Tại phiên tòa, ông N đồng ý giao 03 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, ông N chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đồng/tháng. Ông N làm nghề sửa xe tự do bên lề đường (không có cửa tiệm), thu nhập của ông N hiện nay dao động từ 4.000.000đồng/tháng đến 6.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông N có nộp cho Tòa án Đơn yêu cầu ngày 27/4/2019 và tại phiên tòa ông N yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng tặng cho số 013713 công chứng tại Văn phòng Công chứng Bà Điểm ngày 08/8/2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, cụ thể là chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông N và giao cho bà T được nuôi các con chung, ông N ý cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung thì các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Trọng N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 43, Quyển số I/2002 do UBND xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định cấp ngày 24/9/2002 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà T: Căn cứ lời khai của các đương sự thì đủ cơ sở xác định trong thời gian chung sống giữa vợ chồng bà T, ông N có phát sinh mâu thuẫn và tình trạng này vẫn kéo dài ít nhất là từ năm 2017 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng bà T, ông N vẫn không thể đoàn tụ. Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông N. Trong khi đó, ông N chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện bà T phải giao Giấy chứng nhận căn nhà địa chỉ Ấp A, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cho một người thứ ba giữ và ông N không xác định cụ thể người thứ ba là người nào. Hội đồng xét xử nhận định đây là điều kiện ông N đưa ra để giải quyết quan hệ hôn nhân. Căn cứ vào sự thừa nhận của các bên đương sự thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông N chơi cờ bạc và gây ra nợ nần vì vậy điều kiện ông N đưa ra (giao Giấy chứng nhận cho người thứ ba giữ) không liên quan đến việc có thể giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng và điều kiện này cũng không được xem là lý do chính đáng để duy trì quan hệ hôn nhân. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định đời sống chung vợ chồng của bà T và ông N đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông N.

[5] Về con chung: Bà T và ông N có 03 con chung gồm Nguyễn Nhân T (sinh ngày 28/10/2006), Nguyễn Tiến P (sinh ngày 31/7/2010), Nguyễn Thị Xuân L (sinh ngày 11/8/2014). Bà T và ông N thỏa thuận giao các con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận của bà T, ông N phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ vào lời khai của các đương sự thì hiện nay ông N làm nghề sửa xe (bơm xe, vá xe) tự do, không có cửa tiệm. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định mức cấp dưỡng mà ông N đề nghị là 1.500.000đồng/tháng cho mỗi con là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của ông N và nhu cầu thiết yếu của các con. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận một phần yêu cầu của bà T, buộc ông N cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000đồng/tháng, thi hành khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Ngoài ra tại Đơn yêu cầu ngày 27/4/2019 và tại phiên tòa, ông N có đưa ra yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 013713 giữa ông Nguyễn Trọng N và cháu Nguyễn Nhân T, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng Công chứng Bà Điểm ngày 08/8/2017. Hội đồng xét xử nhận định yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho của ông N là tranh chấp về giao dịch dân sự và được đưa ra sau khi Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 200, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án không chấp nhận để giải quyết yêu cầu này của ông N trong cùng vụ án. Trong trường hợp ông N có tranh chấp thì ông N có thể khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

[9] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đồng, bà T chịu, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền. Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng, ông N chịu, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 71, Điều 200, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5; điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Trọng N.

2. Về con chung: Giao các con chung tên Nguyễn Nhân T (sinh ngày 28/10/2006), Nguyễn Tiến P (sinh ngày 31/7/2010), Nguyễn Thị Xuân L (sinh ngày 11/8/2014) cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Trọng N cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đồng/tháng, thi hành ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ T, trẻ P, trẻ L đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà T có đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà ông N không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông N còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Không chấp nhận để giải quyết trong cùng vụ án này đối với yêu cầu của ông N về việc hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 013713 ngày 08/8/2017 giữa ông Nguyễn Trọng N và cháu Nguyễn Nhân T (hợp đồng được công chứng tại Văn phòng Công chứng Bà Điểm).

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà T phải nộp án phí ly hôn là 300.000đồng, và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng mà bà T đã nộp theo biên lai số AA/2018/0004211 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Ông N phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng, thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hóc môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hóc môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBNDxã Tân Xuân, huyện Hóc Môn;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam